

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/09/2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Phòng 205- A5 Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công

Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.336.475.790</b>	<b>14.868.577.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>754.446.575</b>	<b>1.043.954.446</b>
1. Tiền	111		754.446.575	1.043.954.446
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.600.000.000</b>	<b>8.600.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	6.600.000.000	8.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.591.154.236</b>	<b>3.987.403.890</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.114.560.453	2.290.203.107
2. Trả trước cho người bán	132		1.927.996.563	1.148.603.563
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	548.597.220	548.597.220
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.390.874.979</b>	<b>1.237.219.043</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.043.423.881	861.908.123
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			27.859.822
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	347.451.098	347.451.098
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.153.271.968</b>	<b>20.924.193.043</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.321.830.880</b>	<b>19.923.536.599</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	582.700.174	279.273.285
- Nguyên giá	222		1.464.803.217	1.024.023.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(882.103.043)	(744.750.108)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	20.739.130.706	19.644.263.314
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.831.441.088</b>	<b>1.000.656.444</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.831.441.088	1.000.656.444
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>37.489.747.758</b>	<b>35.792.770.422</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.752.577.453</b>	<b>15.300.417.527</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.731.440.625</b>	<b>15.279.280.699</b>
2. Phải trả người bán	312		7.704.227.449	7.405.834.449
3. Người mua trả tiền trước	313		7.461.850.240	7.461.850.240
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	400.686.943	-
5. Phải trả người lao động	315			94.887.126
6. Chi phí phải trả	316		15.599.127	15.599.127
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	70.092.724	222.125.615
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		78.984.142	78.984.142
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>21.136.828</b>	<b>21.136.828</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		21.136.828	21.136.828
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.737.170.305</b>	<b>20.492.352.895</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>21.737.170.305</b>	<b>20.492.352.895</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		105.684.142	105.684.142
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.631.486.163	386.668.753
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>37.489.747.758</b>	<b>35.792.770.422</b>

**Đặng Đình Ban**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 15 tháng 10 năm 2010

**Trần Thị Mai**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.922.888.227	1.984.678.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.922.888.227	1.984.678.946
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	607.278.501	432.382.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.315.609.726	1.552.296.466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	657.586.502	258.801.246
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.736.642	99.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.319.269.706	1.520.905.690
10. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		1.652.189.880	290.093.022
11. Thu nhập khác	31			166.459.467
12. Chi phí khác	32			213.078.068
13. Lợi nhuận khác	40		-	(46.618.601)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.652.189.880	243.474.421
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.5	407.372.470	90.749.677
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.244.817.410	152.724.744
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	622	153

**Đặng Đình Ban**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 10 năm 2010

**Trần Thị Mai**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
Cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.566.287.040	2.634.511.184
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.825.482.565)	(835.077.435)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.756.321.678)	(858.845.612)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		25.649.529
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	509.202.654	(120.523.630)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(506.314.549)</b>	<b>845.714.036</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(440.779.824)	(750.688.187)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		65.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		163.839.890
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	657.586.502	258.801.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>216.806.678</b>	<b>(8.863.047.051)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.749.000.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>8.737.300.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(289.507.871)</b>	<b>719.966.985</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>1.043.954.446</b>	<b>115.736.960</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>754.446.575</b>	<b>835.703.945</b>

**Đặng Đình Ban**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 15 tháng 10 năm 2010

**Trần Thị Mai**  
**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 11 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 2.000.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: Sara Vietnam Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SARA., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SRA.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ ăn uống, giải khát; Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thuỷ lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông;
- Các dịch vụ về tin học;
- Sản xuất phim kỹ xảo cho quảng cáo;
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Sản xuất và buôn bán linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010 để công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành đối với tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 08
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - " Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ internet, bảo dưỡng máy tính, thuê xe ô tô và đối với hoạt động xây lắp; không chịu thuế đối với dịch vụ thiết kế website, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt VND	747.460.892	1.040.560.564
Tiền gửi Ngân hàng	6.985.683	3.393.882
<b>Tổng cộng</b>	<b>754.446.575</b>	<b>1.043.954.446</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	6.600.000.000	8.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>8.600.000.000</b>

(\*): Khoản cho cá nhân vay ngắn hạn cụ thể như sau:

- Cho Ông Cao Thế Thành vay số tiền 4.500.000.000 đồng trong 6 tháng kể từ ngày 01/07/2010 đến hết ngày 31/12/2010 với lãi suất 1%/tháng theo Hợp đồng vay số 01/10-HĐSRA ngày 30/06/2009.

- Cho Ông Nguyễn Doãn Hoàn vay số tiền 2.100.000.000 đồng trong 6 tháng kể từ ngày 01/07/2010 đến hết ngày 31/12/2010 với lãi suất 1%/tháng theo Hợp đồng vay số 02/10-HĐSRA ngày 30/06/2009.

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Công ty CP Delta	88.094.331	88.094.331
Công ty CP ĐT XD công nghệ TM Sara	363.273.090	363.273.090
Công ty CP ĐTXD Sara 425	96.466.272	96.466.272
Các khoản phải thu khác	763.527	763.527
<b>Cộng</b>	<b>548.597.220</b>	<b>548.597.220</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Tạm ứng	347.451.098	347.451.098
<b>Cộng</b>	<b>347.451.098</b>	<b>347.451.098</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2010	229.078.365	317059632	477.885.396	1.024.023.393
Mua trong kỳ		40.569.091	400.210.733	440.779.824
Số dư ngày 31/12/2009	229.078.365	357.628.723	878.096.129	1.464.803.217
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Số dư ngày 01/01/2010	171.035.198	129.538.132	444.176.778	744.750.108
Khấu hao trong kỳ	32.232.130	29.986.161	75.134.645	137.352.935
Số dư ngày 30/09/2010	203.267.327	159.524.293	519.311.423	882.103.043
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/10/2010	58.043.167	187.521.500	33.708.618	279.273.285
Tại ngày 30/09/2010	25.811.038	198.104.430	358.784.707	582.700.175

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 410.046.629 đồng.

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm hệ thống dự đoán	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư ngày 01/01/2010	-	130.909.127	130.909.127
Số dư ngày 30/09/2010	-	130.909.127	130.909.127
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Số dư ngày 01/01/2010	-	130.909.127	130.909.127
Số dư ngày 30/09/2010	-	130.909.127	130.909.127
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Tại ngày 30/09/2010	-	-	-

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình trung tâm Thương mại các tỉnh Miền Trung	19.367.458.014	19.180.519.765
Dự án Hà Tây	1.263.672.692	355.743.549
Dự án bột nhang	108.000.000	108.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.739.130.706</b>	<b>19.644.263.314</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ đang phân bổ	2.831.441.088	1.000.656.444
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.263.672.692</b>	<b>1.000.656.444</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	378.042.500	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.644.443	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.686.943</b>	<b>-</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	41.576.375	10.880.815
Bảo hiểm y tế	9.684.267	2.881.482
Các khoản phải trả phải nộp khác	16.894.082	206.425.318
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.092.724</b>	<b>222.125.615</b>

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư ngày 01/01/2009</b>	<b>11.251.000.000</b>	<b>105.648.142</b>	<b>408.158.533</b>	<b>11.764.806.675</b>
Tăng vốn năm trước	8.749.000.000	-	-	8.749.000.000
Lỗi năm trước	-	-	10.246.220	10.246.220
Chia cổ tức	-	-	(31.700.000)	(31.700.000)
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>105.648.142</b>	<b>386.704.753</b>	<b>20.492.352.895</b>
Lãi trong kỳ	-	-	1.244.817.410	1.244.817.410
<b>Số dư ngày 30/09/2010</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>105.648.142</b>	<b>1.631.522.163</b>	<b>21.737.170.305</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư**

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trần Khắc Hùng	5.100.000.000	5.100.000.000
Nguyễn Thế Sơn	200.000.000	200.000.000
Cty CP NN PTNT Việt Minh	500.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	14.200.000.000	4.700.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**c. Cổ phiếu**

	<b>30/09/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	2.000.000	2.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:</i>	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu lưu hành là: 10.000 đồng</i>		

**6. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày <b>01/01/2010</b> đến ngày <b>30/09/2010</b> <b>VND</b>	Từ ngày <b>01/01/2009</b> đến ngày <b>30/09/2009</b> <b>VND</b>
<b>Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>2.706.188.227</b>	<b>1.944.678.946</b>
Dịch vụ SMS	33.455.031	56.939.846
Hoạt động khác		95.255.828
Dịch vụ đào tạo	2.672.733.196	1.792.483.272
<b>Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>216.700.000</b>	<b>40.000.000</b>
Dịch vụ thiết kế website	216.700.000	6.000.000
Dịch vụ phần mềm		34.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.922.888.227</b>	<b>1.984.678.946</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày <b>01/01/2010</b> đến ngày <b>30/09/2010</b> <b>VND</b>	Từ ngày <b>01/01/2009</b> đến ngày <b>30/09/2009</b> <b>VND</b>
<b>Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>577.278.501</b>	<b>414.382.480</b>
Dịch vụ SMS		74.768.841
Hoạt động khác	15.955.245	32.912.216
Dịch vụ đào tạo	561.323.256	306.701.423
<b>Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>30.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
Dịch vụ thiết kế website	30.000.000	
Dịch vụ phần mềm		18.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>607.278.501</b>	<b>432.382.480</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 VND
Lãi tiền gửi	3.586.502	801.246
Lãi cho vay	654.000.000	258.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>657.586.502</b>	<b>258.801.246</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 VND
Chi phí tài chính khác	1.764.399	99.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.764.399</b>	<b>99.000</b>

**6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.244.817.410	152.724.744
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.244.817.410	152.724.744
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>622</b>	<b>153</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/09/2010:*

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
<b><u>Phải thu</u></b>		
CTY CP đầu tư Sara Hợp Nhất	49.000.000	49.000.000
Cty CP công nghệ Hùng Phát	420.500.000	420.500.000
CTY CP TB TH máy VP SARA(ECOM)		1.727.748.289
Công ty cổ phần đầu tư XD Sara 425	584.600.453	584.600.453
Công ty CP Sara HN	800.000.000	800.000.000
<b><u>Phải trả</u></b>		
Công ty CP ĐT XDCN TM Sara	693.727.565	693.727.565
Công ty CP Sara (Sara Vinh)	5.803.009.500	5.803.009.500

---

**Đặng Đình Ban**  
**Tổng Giám đốc**  
*Ngày 15 tháng 10 năm 2010*

---

**Trần Thị Mai**  
**Kế toán trưởng**